

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƠN TH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 60/2020/HSST

Ngày: 06/7/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đình Loan

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Phạm Xuân Đính
2. Hồ Thị Xuân Thiều

-Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Vi – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Ông Bồ Đức Trọng – Kiểm sát viên.

Ngày 02 và 06 tháng 7 năm 2020 tại Toà án nhân dân huyện Chơn Th, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 55/2020/HSST ngày 08 tháng 6 năm 2020, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2020/HSST-QĐ ngày 18/6/2020 đối với các bị cáo:

1. TRẦN ANH G, sinh năm 1990 tại Bình Phước; tên gọi khác: Ty; Nơi cư trú: tổ 7, ấp Đ, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; con ông Trần Anh T và bà Hoàng Thị T, vợ Huỳnh Thanh N (đã li hôn) và có 01 người con sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 27/7/2015 bị Công an huyện Lộc Ninh, Bình Phước xử phạt vi phạm hành chính 2.000.000 đồng về hành vi cố ý gây thương tích theo quyết định số 33/QĐ-XPHC; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/9/2019 cho đến nay.

2. NGUYỄN TH S, sinh năm 1993 tại Bình Phước, tên gọi khác: Út; Nơi cư trú: ấp 2, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn C và bà Bạch Thị Kim L, vợ con chưa có; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Bị cáo chưa lần nào bị xử lý hành chính hoặc kết án về hành vi vi phạm pháp luật; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/9/2019 cho đến nay.

3. NGUYỄN XUÂN T1, sinh năm 1994 tại Thừa Thiên Huế, tên gọi khác: Chử, Tèo; HKTT: xóm 1, Làng An T, xã H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; chỗ ở: ấp 4A, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; con ông Nguyễn Xuân H và bà Nguyễn Thị T (đã chết năm 1998), vợ

Nguyễn Trần Thiện Thvà có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: bị cáo chưa lần nào bị xử lý hành chính hoặc xét xử về hành vi vi phạm pháp luật; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/10/2019 đến nay

4. TRẦN ANH H2, sinh năm 1992 tại Bình Phước, tên gọi khác: Tom; Nơi cư trú: tổ 7, ấp Đ, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; con ông Trần Anh T và bà Hoàng Thị T, vợ con chưa có; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 31/3/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, Bình Phước xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cướp giật tài sản” tại bản án hình sự sơ thẩm số 18/2009/HSST; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/9/2019 đến nay

5. HỒ XUÂN TR, sinh năm 1995 tại Bình Phước, tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: ấp 5, xã Lộc T, huyện L, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: kinh; Tôn giáo: Không; con ông Hồ Minh Kh và bà Lê Thị Th, vợ con chưa có; tiền án: 01 (Ngày 26/12/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, Bình Phước xử phạt 09 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại B án hình sự sơ thẩm số 87/2017/HSST, chấp hành án xong ngày 28/5/2018 (chưa được xóa án tích); tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/10/2019 đến nay

6. HOÀNG VĂN C, sinh năm 1991 tại Phú Yên, tên gọi khác: Say; HKTT: khu phố 9, thị trấn H, huyện S, tỉnh Phú Yên; chỗ ở: nhà trọ Trường Phát, đường D7N4, khu công nghiệp M, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; con ông Hoàng Văn Tvà bà Nguyễn Thị O, vợ Nông Thị B và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án; tiền sự: không; nhân thân: bị cáo chưa lần nào bị xử lý hành chính hoặc xét xử về hành vi vi phạm pháp luật; bị bắt tạm giữ từ ngày 18/8/2019 đến ngày 27/8/2019 được tại ngoại

7. NGUYỄN TẤN L, sinh năm 1989 tại An G, tên gọi khác: Không; HKTT: ấp V, xã Vĩnh Th, huyện C, tỉnh An G; chỗ ở: khu phố 3, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn R và bà Lê Thị Ánh N, vợ Võ Ngọc G và có 01 người con sinh năm 2014; tiền án; tiền sự: không; nhân thân: bị cáo chưa lần nào bị xử lý hành chính hoặc xét xử về hành vi vi phạm pháp luật; bị bắt tạm giữ từ ngày 18/8/2019 đến ngày 27/8/2019 được tại ngoại

8. NGUYỄN TẤN Đ, sinh năm 1993 tại TP Hồ Chí Minh, tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: tổ 8, ấp 4, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Thợ may; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn D và bà Ngô Thị C, vợ Võ Thị Th và có 01 người con sinh năm 2017; tiền án; tiền sự: không; nhân thân: bị cáo chưa lần nào bị xử lý hành chính hoặc xét xử về hành vi vi phạm pháp luật; bị bắt tạm giữ từ ngày 18/8/2019 đến ngày 27/8/2019 được tại ngoại

9. ĐỒNG XUÂN T, sinh năm 1996 tại Bình Phước, tên gọi khác: Bin; Nơi cư trú: tổ 1, ấp 2, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Đồng Xuân S và bà Nguyễn Thị M, vợ Nguyễn Thị Mỹ L và có 01 người con sinh năm 2015; tiền án; tiền sự: không; nhân thân:

bị cáo chưa lần nào bị xử lý hành chính hoặc xét xử về hành vi vi phạm pháp luật; bị bắt tạm giữ từ ngày 18/8/2019 đến ngày 27/8/2019 được tại ngoại.

10.HỒ VĨNH TH, sinh năm 1994 tại Bình Phước, tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: tổ 8, ấp 5, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Hồ Vĩnh Th và bà Hồ Thị S, vợ con chưa có; tiền án; tiền sự: không; nhân thân: bị cáo chưa lần nào bị xử lý hành chính hoặc xét xử về hành vi vi phạm pháp luật; bị bắt tạm giữ từ ngày 19/8/2019 đến ngày 27/8/2019 được tại ngoại.

11.THẠCH THANH H, sinh năm 1978 tại Bạc Liêu, tên gọi khác: Không; HKTT: ấp Đ, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; chỗ ở: tổ 12, ấp 3B, xã M, huyện Ch, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Khome; Tôn giáo: Không; con ông Thạch R và bà Trần Thị Sa N, vợ Hồ Ngọc H (đã li hôn) và có 01 người con sinh năm 2012; tiền án; tiền sự: không; nhân thân: bị cáo chưa lần nào bị xử lý hành chính hoặc xét xử về hành vi vi phạm pháp luật; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Tất cả các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại (cùng là bị cáo trong vụ án):

1. Hoàng Văn C, sinh năm 1991
2. Hồ Vĩnh Th, sinh năm 1994
3. Nguyễn Tấn L, sinh năm 1989

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Hữu C, sinh năm 1974; Địa chỉ: ấp 4, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước.

Có mặt

2. Nông Thị B, sinh năm 1990; Địa chỉ: tổ 13, khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

3. Võ Thị Tg, sinh năm 1996; Địa chỉ: tổ 8, ấp 4, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước.

Có mặt

Người làm chứng:

1. Nguyễn Hữu C, sinh năm 1974; Địa chỉ: ấp 4, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước.

Có mặt

2. Tống Thị H1, sinh năm 1989; Địa chỉ: khu phố T, thị trấn Th, huyện B, tỉnh Bình Phước. Có mặt

3. Nguyễn Thế C, sinh năm 1997; Địa chỉ: ấp TH1 C, xã Lộc TH1, huyện L, tỉnh Bình Phước. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Tấn Đ biết Hoàng Văn C chơi đánh bạc gian lận; Đồng Xuân T biết Thạch Thanh H quen biết với Trần Anh G đánh bạc gian lận. Do vậy, sáng ngày 17 tháng 8 năm 2019 Đ điện thoại hẹn C, buổi sáng ngày 18 tháng 8 năm 2019 đến xã Minh Hưng, huyện Chon Th đánh bạc. H điện thoại móc nối hẹn G đến xã Minh Hưng, huyện Chon Th đánh

bạc với nhóm của C thì G đồng ý. G và H thống nhất hùn vốn mỗi bên 5.000.000đ, nếu thắng chia đôi.

Sáng ngày 18 tháng 8 năm 2019, Nguyễn Tấn Đ điện thoại rủ C, còn Đồng Xuân T điện thoại rủ Hồ Vĩnh Th và Thạch Thanh H để H điện thoại rủ nhóm Trần Anh G đến nhà ông Nguyễn Hữu C, cư trú: Tổ 8, ấp 4, xã Minh Hưng, huyện Chơn Th đánh bạc (ông C là chú ruột của Đ và cậu ruột của T). C chuẩn bị bộ dụng cụ (gồm kính áp tròng mắt) để đánh bạc gian lận và rủ Nguyễn Tấn L đi cùng để hỗ trợ C trong lúc đánh bạc, L mang theo 08 bộ bài tây, nếu dùng kính áp tròng sẽ nhìn thấy.

Khoảng 9 giờ cùng ngày, Trần Anh G rủ em ruột là Trần Anh H2; Nguyễn Th S; Nguyễn Xuân T1; Hồ Xuân Tr và 01 người thanh niên tên Nam (Nam đi cùng T1, chưa rõ nhân thân lai lịch) thuê xe ô tô (loại 7 chỗ) biển số 93A- 101.24 do Nguyễn Thế C điều khiển đi từ huyện Lộc Ninh đến xã Minh Hưng, huyện Chơn Th. Trước khi đi, G cầm cổ 02 xe mô tô (01 xe mô tô Sirius của G và 01 xe mô tô Dream của S) được 10.000.000đ, G để ở nhà 02 triệu, còn mang theo 08 triệu đồng để sử dụng đánh bạc. C lái xe ô tô chở G, T1, H2, S và Nam đi trước, còn Tr đón xe khách xuống sau.

Khoảng 12 giờ cùng ngày, nhóm G gặp H và T tại quán nước mía thuộc ấp 3A, xã Minh Hưng, huyện Chơn Th. Tại đây, H và T nói với nhóm G rằng nhóm (C, L) đang trên đường đến và cho biết nhóm này đánh bài gian lận thì G và T1 nói với tất cả nhóm đi cùng là: “cứ vào đánh, nếu bắt được tui nó đánh điểm thì mình lấy hết tiền tui nó luôn” thì tất cả đồng ý. Để được chia tiền thắng bạc, T đưa cho G số tiền 4.400.000đ (trong đó H 900.000đ đồng; T 3,5 triệu đồng).

Sau đó, C chở L bằng xe mô tô BKS 78M – 38209, từ Bình Dương đến xã Minh Hưng và điện thoại cho Đ đón C và L. Tại đây, C lấy trong cốp xe ra 08 bộ bài được để trong bịch ny lon màu đen và nói với Đ là “bài kính” (tức bài gian lận), đồng thời C nói Đ đến tiệm tạp hóa mua thêm 10 bộ bài, rồi lấy 02 bộ bỏ chung vào 08 bộ bài nêu trên để khi đánh nhóm G không biết. Đ thực hiện theo như lời của C. Mua bài xong, Đ dẫn đường cho C và L vào nhà ông Nguyễn Hữu C, rồi Đ điện thoại nói cho T biết C và L đã đến. Nghe vậy, T nói với nhóm G không đi đông vào nơi đánh bạc. G nói để G và T1 vào đánh bạc, số còn lại ở ngoài chờ, “nếu bắt được tui nó đánh điểm thì tui tao điện thoại cho tui bay chạy vào lấy tiền của tui nó” thì tất cả đồng ý. T chở G và T1 bằng xe mô tô của T vào nhà ông C. Khi gần đến nhà ông C, T điện thoại cho Đ điều khiển xe máy chạy ra chờ phụ T 01 người. Còn H2, S, Nam và H ngồi trên xe ô tô dừng cách địa điểm đánh bạc khoảng 200-300m để chờ. Cùng lúc đó, Tr đón xe khách từ Lộc Ninh đến xã Minh Hưng và điện thoại cho H2 cùng đồng bọn chạy xe ô tô đến chờ Tr về lại vị trí nêu trên để chờ G và T1 đánh bạc.

Tại phòng khách nhà ông C, T1 quy định mỗi người tham gia đánh bạc pH để ra số tiền 5.000.000đ trên chiếu bạc, tại chỗ ngồi. Trước khi đánh bạc, G có số tiền sử dụng đánh bạc 12.400.000đ (trong đó tiền của H và T 4.400.000đ), G đưa cho T1 5.000.000đ để đặt dưới chiếu bạc; C có số tiền sử dụng đánh bạc 4.000.000đ; L có số tiền sử dụng đánh bạc 5.000.000đ; C mượn thêm của L 2.000.000đ (C và L đánh chung một tụ); Th có số tiền 9.000.000đ sử dụng để đánh bạc. Số người trực tiếp tham gia đánh bài cào liêng thắng thua bằng tiền gồm: C, Th và T1. G ngồi cạnh T1; L nằm võng phía sau lưng C và đeo kính áp

tròng để nhìn bài; Còn Đ, T ở ngoài xem. Mỗi ván đặt cố định số tiền 100.000đ và tiền “tổ” không giới hạn.

Về cách thức đánh bạc (đánh bài cào liên tổ) và mức độ thắng thua như sau:

Người chơi sử dụng 01 bộ bài tây gồm 52 lá. Khi tham gia chơi mỗi người pH đặt số tiền là 100.000đ (tiền đường) thì mới được chia bài. Sau khi đặt tiền đường thì mỗi người chơi được chia 3 lá bài. Sau khi xem bài, người chơi bắt đầu tổ, người chia bài được tổ trước. Sau khi người chia bài tổ thì đến lượt người chơi ở vị trí bên tay trái của người chia bài có quyền tổ bằng (theo) hoặc cao hơn (tổ) số tiền mà người trước tổ, người đến lượt tổ có quyền không tổ (úp bài), cứ như vậy tổ không giới hạn. Sau khi tổ xong, tất cả những người chơi nào tham gia tổ thì đều lật bài để tính thắng thua, người nào có bài (03 lá) có giá trị cao nhất sẽ là người thắng toàn bộ số tiền trong ván bài đó.

Giá trị của tổng 03 lá bài từ lớn đến nhỏ được tính như sau:

- Sáp: Là có 03 lá bài giống nhau. Nếu hai người cùng có sáp thì người nào có sáp cao hơn sẽ thắng. Giá trị sáp được tính từ nhỏ đến lớn như sau: 2,3,4,5,6,7,8,9,10, J, Q, K, A.

- Liêng: Là bộ 03 lá bài liên tiếp nhau, không cần cùng chất. Nếu hai người cùng có liêng thì người nào có liêng cao hơn sẽ thắng. Giá trị Liêng được tính từ nhỏ đến lớn như sau: Liêng nhỏ nhất là A,2,3; liêng lớn nhất là Q, K, A. Hai bộ liêng cùng giá trị như nhau coi như bằng nhau (không so sánh chất).

- Ảnh: Là bộ 03 lá bài đều là lá bài tây (J, Q, K). Nếu hai người cùng có ảnh thì so sánh chất. Nếu chất bằng nhau thì so sánh đến quân bài từ thấp đến cao là J, Q, K.

- Điểm: Khi bài không có sáp, liêng, ảnh thì tính điểm. Lấy ba lá bài được phát cộng lại. Điểm tính từ cao xuống thấp 9, 8, 7, 6, 5, 4, 3, 2, 1, 0. Các lá bài 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 được tính với số điểm tương ứng là 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9. Quân A tính 1 điểm, các quân 10, J, Q, K tính 0 điểm. Khi hai người bằng điểm thì so sánh quân bài có chất cao nhất, nếu cùng chất thì so sánh quân. Quân thấp nhất đến cao là 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, J, Q, K, A.

Trong lúc C đánh bài, L đeo kính áp tròng mắt để xem bài của những người chơi và ra hiệu để C biết. Sau khi đánh bạc khoảng 15 phút, C thắng được số tiền khoảng 2.000.000đ thì G và T1 phát hiện C đánh bạc gian lận nên T1 điện thoại cho H2 nói “tụi này chơi điểm, vô lấy tiền lại”. Nghe vậy, H2 bẻ được 3-4 đoạn cây củi cao su, mỗi đoạn dài khoảng 60-70 cm, đường kính khoảng 3-4cm bỏ lên xe ô tô, với mục đích vào đe dọa nhóm C để lấy lại tiền. H2 nói C chạy xe ô tô chở H2, S, Tr và Nam vào nơi đánh bạc. Đến nơi, C và H ngồi ngoài xe ô tô; còn H2, S, Tr xuống xe đi vào nơi đánh bạc. Khi có mặt của H2 cùng đồng bọn, T1 dùng kính để soi và biết được bài của nhóm C đánh gian lận nên T1 nói với H2, S, Tr là: “Tụi nó đánh bài điểm, lấy hết tiền của tụi nó đi”. Nói xong, T1 lấy hết tiền dưới chiếu bạc của Th, gồm tiền vốn và tiền thắng bạc (hơn 5 triệu đồng); Tr nắm cổ áo Th hỏi “mày đánh bài điểm pH không?”. Lúc này, G lấy hết tiền dưới chiếu bạc của C, L gồm tiền vốn và tiền thắng bạc (hơn 5 triệu đồng), đồng thời G lục soát lấy trong người C số tiền 900.000đ; H2 lấy dưới chiếu bạc được 900.000đ.

Toàn bộ số tiền chiếm đoạt được của C và Th, T1 và H2 đưa cho G cất giữ, rồi T1 hô: “Bắt tụi nó lên xe, đánh bài gian lận một pH đèn mười”. Nói xong, T1, G, H2, S và Tr

khống chế, bắt giữ đưa Th, C và L lên xe ô tô. Lúc này, H2 lục soát túi quần của Th lấy 01 cái ví có số tiền 4.000.000đ cùng Thẻ ATM, Giấy chứng minh nhân dân và một số giấy tờ khác đưa cho G cất giữ. T1, G nói C chạy xe ô tô chở về huyện Lộc Ninh. Riêng Nam không tham gia khống chế bắt giữ C, L và Th.

Khi lên xe, T1 và G dùng tay đánh vào mặt C, L và Th. Còn H2, S và Tr lấy điện thoại di động của L, C và Th đưa cho G cất giữ. Đến huyện Lộc Ninh, G nói C chở L, C và Th vào lô cao su thuộc xã Lộc Thái, huyện Lộc Ninh. Tại đây T1 buộc mỗi người phải đưa 50.000.000đ, nếu không T1 sẽ dùng kim tiêm có xì ke (ma túy) chích vào người; Tr dùng chân đá vào người Th, còn S lục soát lấy trong túi quần của L số tiền 3.000.000đ đưa cho G cất giữ.

Do bị nhóm T1 và G khống chế, đe dọa nên C và L được H2 đưa điện thoại gọi về cho người quen là anh Ngô Thanh Tuấn để mượn tiền. Nhưng anh Tuấn chỉ có 10.000.000đ cho C mượn, còn L gọi điện cho vợ là chị Võ Ngọc Giàu lo được số tiền 15.000.000đ. Sau khi C và L có được số tiền 25.000.000đ. G điện thoại cho chị Tống Thị H1 (là người sống như vợ chồng với G) để xin số tài khoản của chị H1, rồi G yêu cầu anh Tuấn chuyển tiền vào tài khoản của chị H1, sau đó G nói H1 đến cây ATM ở Lộc Ninh để rút tiền. Do anh Tuấn không chuyển được 25 triệu đồng vào thẻ ATM nên chị H1 không rút tiền được. Lúc này H2 lục lấy thẻ ATM trong ví Th và yêu cầu anh Tuấn chuyển số tiền 25.000.000đ vào số tài khoản của Th. Sau khi anh Tuấn chuyển tiền xong, G tiếp tục điện thoại cho H1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA- EXCITER, biển số 93F1- 382.09 đến lô cao su để lấy thẻ ATM đi rút tiền giúp G. Tại đây, H1 hỏi G: 3 người này là ai (C, L, Th), G nói: “Tụi nó đánh bài điểm ăn hết tiền của tụi anh, giờ tụi nó trả lại tiền và nạp vào tài khoản”. G đưa thẻ ATM của Th nhờ chị H1 đi rút tiền cho G. Th nói không có tiền, chỉ có xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI SATRIA, biển số 93B1-263.50 đang để tại sân nhà ông C nên G nói Tr quay lại nơi đánh bạc lấy xe của Th chạy lên Lộc Ninh để đưa cho nhóm G mang cầm cố lấy tiền. G gọi C chở Tr thì H xin về theo. Sau khi lấy được xe mô tô của Th, Tr điều khiển về đưa cho nhóm G tại lô cao su nêu trên.

Khoảng 18 giờ ngày 18 tháng 8 năm 2019, chị H1 đến cây ATM tại xã Lộc Thái, huyện Lộc Ninh rút được số tiền 7.000.000đ thì nghe được thông tin từ Công an huyện Lộc Ninh điện báo cho biết việc nhóm G có hành vi bắt người để chiếm đoạt tài sản nên chị H1 không rút tiền nữa, đồng thời chị H1 điện báo cho G để thả L, C và Th về. G đã thả C, L và Th, đồng thời trả phương tiện xe mô tô biển số 93B1-263.50 cho Th. Rồi cả nhóm G thuê xe TAXI bỏ trốn về TP. Hồ Chí Minh. Số tiền chiếm đoạt được của C, L và Th, cả nhóm tiêu xài hết.

Đối với Hoàng Văn C, Nguyễn Tấn L và Hồ Vĩnh Th sau khi được nhóm G thả về đã đến Công an trình báo.

B kết luận định giá tài sản số 105/KLĐG - HĐĐGTS ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Chơn Th xác định: Xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI-SATRIA, màu sơn: đen, biển số 93B1-263.50 của Hồ Vĩnh Th có giá 37.000.000đ .

B kết luận định giá số 50/KLĐG - HĐĐGTS ngày 15/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Chơn Th xác định: 03 chiếc điện thoại: 01 điện

thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1202, màu xanh, số sim: 0969567819 của Hồ Vĩnh Th; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6S, màu bạc – trắng, mặt kính màu đen, số sim: 0979112203 của Nguyễn Tấn L; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F3, màu đen, mặt kính trước bị nứt vỡ góc trên bên trái, số sim: 0967938778 của Hoàng Văn C có tổng giá trị là 2.600.000đ.

Về vật chứng: Quá trình điều tra thu giữ 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA FORTUNER, màu sơn: bạc, biển số 93A-101.24 của Nguyễn Thế C; 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER, màu sơn: đen - vàng, biển số 93F1-382.09 của chị Tổng Thị H1 ông Lê Duy Quang. Số tài sản trên có giấy tờ hợp pháp, không liên quan đến vụ án, C quan điều tra đã xử lý vật chứng, trả lại cho chủ sở hữu.

Đối với số tiền 7.000.000đ do chị H1 đi rút tiền giùm cho nhóm G và số tiền 18.000.000đ còn lại trong tài khoản thẻ ATM của Hồ Vĩnh Th, đã rút ra và giao nộp cho C quan điều tra; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, màu sơn: đen, biển số 78M1-112.60 của Hoàng Văn C; 01 xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI-SATRIA, màu sơn: đen, biển số 93B1-263.50 của Hồ Vĩnh Th; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J2, màu gold, số sim 0842293997 của Thạch Thanh H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1202, màu xanh, số sim: 0969567819 của Hồ Vĩnh Th; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J7 PRO, màu đen, số sim 0762379379 của Đồng Xuân T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6S, màu bạc – trắng, mặt kính màu đen, số sim: 0979112203 của Nguyễn Tấn L; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F3, màu đen, mặt kính trước bị nứt vỡ góc trên bên trái, số sim: 0967938778 của Hoàng Văn C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, màu gold của Nguyễn Xuân T1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105, màu đen, số sim: 0386748315 của ông Nguyễn Văn C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO 1910, màu xanh, số sim 1: 0366515001, số sim 2: 0983169421 của Nguyễn Tấn Đ. Số vật chứng trên chuyển S chi cục thi hành án dân sự huyện Chơn Th để quản lý theo quy định.

Đối với dụng cụ sử dụng đánh bạc gồm: kính áp tròng, 8 bộ bài và hũ đựng kính áp tròng của C, L và Th dùng để đánh bạc gian lận. Sau khi nhóm G lấy được của C, L và Th chờ về lô cao su tại Lộc Ninh thì nhóm G đã làm mất nên C quan điều tra không thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại không yêu cầu gì.

B cáo trạng số 23/Ctr-VKS ngày 01/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Th, tỉnh Bình Phước truy tố:

Các bị cáo Trần Anh G, Nguyễn Xuân T1 về tội “Đánh bạc” tại khoản 1 Điều 321, “ Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168; tội “ Bắt giữ người trái pháp luật” theo điểm đ khoản 2 Điều 157 và tội “ Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật hình sự;

Các Bị cáo Trần Anh H2, Hồ Xuân Tr, Nguyễn Th S bị truy tố về tội “ Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168; tội “ Bắt giữ người trái pháp luật” theo điểm đ khoản 2 Điều 157 và tội “ Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật hình sự;

Các Bị cáo Hoàng Văn C, Hồ Vĩnh Th, Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Tấn L, Thạch Thanh H và Đồng Xuân T bị truy tố về tội “ Đánh bạc” tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Th giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: tại C quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo đã Th khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo C, L, Đ, T, Th, H phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Các bị cáo là lao động chính của gia đình, bị cáo T1 có con còn nhỏ. Bị cáo Hồ Xuân Tr từng bị kết án chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp “tái phạm”. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên B cáo trạng; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng về điều luật và mức hình phạt như sau:

Đối với bị cáo Trần Anh G và Nguyễn Xuân T1:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 và Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt mỗi bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 2 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 và Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đề nghị xử phạt mỗi bị cáo từ 02 đến 03 năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50, Điều 54 và Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đề nghị xử phạt mỗi bị cáo từ 03 đến 04 năm tù về tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170; các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 và Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt mỗi bị cáo mức án từ 03 đến 04 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đề nghị Hội đồng xét xử, tổng hợp hình phạt cho cả 04 tội danh là từ 8 năm 09 tháng đến 12 năm tù.

Đối với các Bị cáo Trần Anh H2, Hồ Xuân Tr, Nguyễn Th S

Áp dụng khoản 2 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 và Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đề nghị xử phạt bị cáo H2, S mỗi bị cáo từ 02 đến 03 năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”; Riêng bị cáo Hồ Xuân Tr áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS xử phạt mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50, Điều 54 và Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đề nghị xử phạt H2, S mỗi bị cáo từ 03 đến 04 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Riêng bị cáo Hồ Xuân Tr áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS xử phạt mức án từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 và Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt H2, S mỗi bị cáo mức án từ 03 đến 04 năm tù; riêng bị cáo Hồ Xuân Tr áp dụng thêm

điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS xử phạt mức án tù 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù về tội về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đề nghị Hội đồng xét xử, tổng hợp hình phạt cho cả 03 tội danh đối với hai bị cáo H2, S mỗi bị cáo từ 09 năm đến 11 năm tù; riêng bị cáo Hồ Xuân Tr đề nghị phạt mức án tù 09 năm đến 12 năm tù.

Đối với các bị cáo Hoàng Văn C, Nguyễn Tấn L, Hồ Vĩnh Th

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, các điều 38, 50, 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt mỗi bị cáo mức án tù 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Đối với các bị cáo Nguyễn Tấn Đ, Thạch Thanh H và Đồng Xuân T.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, các điều 38, 50 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt mỗi bị cáo mức án tù 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Ý kiến của bị cáo: Đồng ý về tội danh, điều luật mà đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị áp dụng với bị cáo. Các bị cáo không tranh luận, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Ý kiến của người bị hại: đồng ý về tội danh, điều luật mà đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị áp dụng với bị cáo và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của C quan điều tra Công an huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tại phiên tòa của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận:

Do hẹn nhau từ trước giữa Hoàng Văn C dặn Nguyễn Tấn Đ, nên nhóm Bình Dương (C và L) cùng nhóm Trần Anh G (T1, H2, Tr, S) gặp nhau để đánh bài.

Tại nhà ông Nguyễn Hữu C ở ấp 4, Minh Hưng; những người trực tiếp đánh bài với hình thức dùng bộ bài Tây 52 lá, đánh bài cào gồm C, G, T1 và Th. L nằm võng phía sau C, chung tụ với C và sử dụng kính áp tròng để ra hiệu cho C biết trong trường hợp C

thua bài. Theo qui ước mỗi người bỏ ra 5.000.000đ, số tiền mà các bị cáo dùng để đánh bạc đã xác định là 30.400.000đ.

Do biết trước C, L, Th đánh bạc gian lận nên trong khi đánh bạc, phát hiện C, L, Th đánh gian nên Nguyễn Xuân T1 điện thoại cho Trần Anh H2, Nguyễn Th S, Hồ Xuân Tr đến và đã dùng vũ L chiếm đoạt số tiền 18.000.000 đồng của C, L và Th. Sau đó, G, H2, S, T1 và Tr không chế bắt giữ C, L, Th đưa lên xe ô tô chở đến lô cao su thuộc huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước, tại đây S còn lục túi quần của L lấy 3.000.000đ đưa cho G cất giữ. Tại lô cao su, các bị cáo thuộc nhóm G còn uy hiếp tinh thần, buộc C, L gọi điện thoại cho người thân chuyển khoản số tiền 25.000.000 đồng vào tài khoản để chiếm đoạt, đồng thời H2, G, S, T1 và Tr còn chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki-satria, màu đen biển số 93B1-263.50 của Hồ Vĩnh Th. Kết luận định giá xác định xe mô tô trên có giá trị 37.000.000 đồng. Các bị cáo còn lục túi chiếm đoạt 03 chiếc điện thoại của C, L và Th có giá 2.600.000đ.

Như vậy, hành vi tham gia đánh bài thắng thua bằng tiền với số tiền 30.400.000 đồng, của C, L và Th do Trần Anh G, Nguyễn Xuân T1, Hoàng Văn C, Nguyễn Tấn L, Nguyễn Tấn Đ, Đồng Xuân T, Thạch Thanh H thực hiện đã đủ yếu tố cấu Th tội “Đánh bạc”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự

Hành vi dùng vũ L để chiếm đoạt số tiền 21.000.000 đồng của C, L, Th và chiếm đoạt 03 chiếc điện thoại có giá 2.600.000đ do Trần Anh G, Nguyễn Xuân T1, Trần Anh H2, Nguyễn Th S, Hồ Xuân Tr, thực hiện đã phạm tội “Cướp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự.

Hành vi không chế bắt giữ C, L, Th đưa lên xe ô tô chở đến lô cao su và uy hiếp tinh thần buộc C, L, Th chuyển 25.000.000 đồng vào tài khoản để chiếm đoạt và chiếm đoạt 01 xe mô tô của Th trị giá 37.000.000 đồng do Trần Anh G, Nguyễn Xuân T1, Trần Anh H2, Nguyễn Th S, Hồ Xuân Tr thực hiện đã đủ yếu tố cấu Th tội “Bắt giữ người trái pháp luật” và tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Do các bị cáo bắt giữ 03 người nên pH chịu tình tiết định khung “ phạm tội đối với 02 người trở lên”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự. Do tài sản các bị cáo cưỡng đoạt có giá trị 62.000.000 đồng nên pH chịu tình tiết định khung quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật hình sự.

Do đó, cáo trạng B cáo trạng số 23/Ctr-VKS ngày 01/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Th, tỉnh Bình Phước truy tố 11 bị cáo có tên trên, theo tội danh và điều luật nói trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét hành vi của các bị cáo:

Trong vụ án “Đánh bạc”, “Bắt, giữ người trái pháp luật”, “Cướp tài sản” và “Cưỡng đoạt tài sản”, đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn nên cần phân tích vai trò của từng bị cáo để cá thể hóa hình phạt.

[3.1] Trong vụ án “Đánh bạc”: Các bị cáo cư trú ở ba địa phương khác nhau nhưng cùng mục đích vụ lợi cá nhân bằng việc đánh bạc trái phép. Bị cáo C, Th, G, T1 là người trực tiếp đánh bài sát phạt nhau; bị cáo Đ tiếp nhận thông tin tìm mối đánh bài từ bị cáo C, mượn địa điểm; T nhận lời với Đ, trực tiếp gọi bị cáo Thanh, trao đổi với bị cáo H để H gọi bị cáo G. Bị cáo Đ được bị cáo C hứa chia tiền khi thắng bạc, bị cáo T và H góp

tiền cho G để được ăn chia. Số tiền mà các bị cáo dùng để đánh bạc được xác định là 30.400.000đ. Khi thực hiện hành vi, các bị cáo nhận thức rõ việc tham gia đánh bạc, thắng thua bằng tiền, sát phạt nhau là vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến khách thể là trật tự công cộng, nếp sống văn minh xã hội, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Xét vai trò mức độ tham gia của các bị cáo là tương đồng, bị cáo Đ, H, T tham gia với vai trò giúp sức nên mức độ tham gia thấp hơn các bị cáo khác, nên chịu mức án thấp hơn.

[3.2] Trong vụ án “Bắt, giữ người trái pháp luật”: hành vi bắt giữ C, L và Th của các bị cáo T1, G, H2, S và Tr là bột phát, T1 là người khởi xướng, các bị cáo còn lại hưởng ứng một cách tích cực, như kéo người, dọa nạt bắt ép lên xe để chở về Lộc Ninh; những người bị hại trong vụ án này cũng là các bị cáo trong vụ án đánh bạc; C, L và Th chỉ được thả ra khi sự việc bị phát hiện thông qua tin báo của chị Tổng Thị H1. Xét hành vi của các bị cáo thực hiện là ngang nhau, cùng chịu trách nhiệm về hành vi đã xâm hại đến quyền tự do thân thể của người khác.

[3.3] Trong vụ án “Cướp tài sản” và “Cưỡng đoạt tài sản”: do bị cáo Trần Anh G, Nguyễn Xuân T1, Trần Anh H2, Nguyễn Th S, Hồ Xuân Tr thực hiện là hành vi liên kết nhau, tuy là đều mục đích chiếm đoạt tài sản nhưng thỏa mãn các dấu hiệu cấu Th hai tội, vì vậy cả 05 bị cáo đều pH chịu trách nhiệm hình sự đối với các hành vi đã thực hiện. Trong vụ “Cướp tài sản” Các bị cáo đã có dự định từ trước nếu xảy ra tình huống nhóm C, L Th đánh bài gian lận, nhóm G sẽ lấy hết tiền của nhóm C. Và thực tế đã diễn ra như dự tính. T1 phát hiện có việc gian lận từ phía C, L, nên gọi điện cho đồng bọn chờ sẵn là H2, S, Tr cùng vào bằng lời nói dọa nạt, áp đảo về số đông, dùng tay đánh làm cho người bị hại tê liệt ý chí, không còn khả năng chống cự rồi lấy hết tiền của C, L, Th có trên sòng bài. Khi ba bị hại bị ép lên xe tô, bị cáo S, H2, Tr lục túi lấy 03 chiếc điện thoại thuộc sở hữu của C, L và Th, bị cáo H2 lục túi lấy chiếc bóp của Th, bị cáo S lục túi lấy 3.000.000đ của L. Tại lô cao su, các bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi giữ người, bắt ép các bị hại gọi điện về nhà để chuyển tiền vào tài khoản 25.000.000đ, lấy chiếc xe mô tô của Các bị cáo đều biết rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương, do đó cần có mức án nghiêm để cải tạo, giáo dục các bị cáo Th công dân tốt và cũng nhằm phòng ngừa chung.

Trong hai vụ án này, bị cáo T1 và G giữ vai trò chính, nên phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn, các bị cáo Tr, H2, S trực tiếp thực hiện tội phạm một cách tích cực, vai trò ngang nhau, nhưng do bị cáo Tr phạm tội thuộc trường hợp tái phạm, nên phải chịu mức hình phạt nghiêm khắc hơn.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo trong từng tội danh để có mức hình phạt phù hợp như sau:

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

[4.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Hồ Xuân Tr có 01 tiền án về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này pH chịu tình tiết tăng nặng “ Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Các bị cáo khác không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo Hoàng Văn C, Hồ Vĩnh Th, Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Tấn L, Thạch Thanh H và Đồng Xuân T: Các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại C quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Th khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo là lao động chính của gia đình, đang nuôi con nhỏ, bị cáo H là người tàn tật. Do đó, cần cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Do các bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định có khả năng tự cải tạo, việc cho các bị cáo hưởng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện không ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

Đối với bị cáo Trần Anh G, Nguyễn Th S, Nguyễn Xuân T1, Trần Anh H2, Hồ Xuân Tr: Tại C quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Th khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Người bị hại xin bãi nại cho các bị cáo. Các bị cáo là lao động chính của gia đình, bị cáo T1 có con còn nhỏ, ông nội là người có công với nước. Do đó, các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Th, tỉnh Bình Phước là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự: người bị hại không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về vật chứng vụ án:

01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA FORTUNER, màu sơn: bạc, biển số 93A-101.24 của Nguyễn Thế C; 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER, màu sơn: đen - vàng, biển số 93F1-382.09 của chị Tổng Thị H1. Số tài sản trên có giấy tờ hợp pháp, không liên quan đến vụ án, C quan điều tra đã xử lý vật chứng, trả lại cho chủ sở hữu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với số tiền 7.000.000đ do chị H1 đi rút tiền giùm cho nhóm G và số tiền 18.000.000đ còn lại trong tài khoản thẻ ATM của Hồ Vĩnh Th, đã rút ra và giao nộp cho C quan điều tra là tiền của C và L (trong đó của C là 10.000.000 đồng, của L là 15.000.000 đồng) nên trả lại cho C và L.

01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, màu sơn: đen, biển số 78M1-112.60 của Hoàng Văn C là tài sản chung của vợ chồng C, việc C sử dụng làm phương tiện đi đánh bạc, vợ C là chị Nông Thị B không biết nên cần trả lại cho C.

01 xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI-SATRIA, màu sơn: đen, biển số 93B1-263.50 của Hồ Vĩnh Th, 01 thẻ ATM ngân hàng Sacombank mang tên Hồ Vĩnh Th là tài sản hợp pháp của bị cáo Th nên cần trả lại cho Th.

01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J2, màu gold, số sim 0842293997 của Thạch Thanh H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1202, màu xanh, số sim: 0969567819 của Hồ Vĩnh Th; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J7 PRO, màu đen, số sim 0762379379 của Đồng Xuân T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6S, màu bạc – trắng, mặt kính màu đen, số sim: 0979112203 của Nguyễn Tấn L; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F3, màu đen, mặt kính trước bị nứt vỡ góc trên bên trái, số sim: 0967938778 của Hoàng Văn C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, màu gold của Nguyễn Xuân T1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105, màu đen, số sim: 0386748315 của ông Nguyễn Hữu C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO 1910, màu xanh, số sim 1: 0366515001, số sim 2: 0983169421 thu giữ của Nguyễn Tấn Đ là tài sản của vợ Đ là chị Võ Thị Tg. Các tài sản trên là tài sản của các bị cáo nên cần trả lại cho các bị cáo.

Đối với dụng cụ sử dụng đánh bạc gồm: kính áp tròng, 8 bộ bài và hũ đựng kính áp tròng của C, L và Th dùng để đánh bạc gian lận. Sau khi nhóm G lấy được của C, L và Th chờ về lô cao su tại Lộc Ninh thì nhóm G đã làm mất nên cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước là có căn cứ, phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Đối với người tên Nam (chưa rõ nhân thân lai lịch), là bạn của Nguyễn Xuân T1. Trong vụ án trên xác định Nam không tham gia đánh bạc. Khi nhóm G có hành vi bắt giữ C, L và Th đưa lên xe ô tô thì Nam có hành động ngăn cản nhóm G thực hiện hành vi phạm tội. Do không xác định được nhân thân lai lịch của Nam nên cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, xử lý sau.

Đối với Nguyễn Thế C là người chạy thuê xe ô tô biển số biển số 93A-101.24 chở nhóm G đến xã Minh Hưng. C không bàn bạc, không tham gia, giúp sức vào việc bắt giữ C, L và Th cùng với nhóm G để cưỡng đoạt tài sản. Do vậy, không đề cập xử lý.

Đối với Tổng Thị H1 không biết nhóm G tham gia đánh bạc và bắt giữ C, L và Th để cưỡng đoạt tài sản. Khi H1 biết việc nhóm G bắt giữ người để cưỡng đoạt tài sản thì H1 đã điện thoại khuyên G thả C, L và Th về, đồng thời động viên G và đồng phạm ra đầu thú. Vì vậy, không có C sở xử lý hình sự đối với H1.

Đối Nguyễn Hữu C không tham gia đánh bạc và không nhận tiền xâu của những người tham gia đánh. Do vậy, C quan điều tra không xử lý hình sự mà lập hồ sơ xử phạt hành chính.

[8] Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I, Về tội danh:

Căn cứ Điều 321, Điều 168, Điều 157, Điều 170 Bộ luật hình sự.

I.1. Tuyên bố các bị cáo Trần Anh G, Nguyễn Xuân T1 phạm tội “Đánh bạc”; “Cướp tài sản”; “Bắt, giữ người trái pháp luật” và “Cưỡng đoạt tài sản”.

I.2. Tuyên bố các bị cáo Trần Anh H2, Hồ Xuân Tr, Nguyễn Th S phạm tội “Cướp tài sản”; “Bắt, giữ người trái pháp luật” và “Cưỡng đoạt tài sản”.

I.3. Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn C, Hồ Vĩnh Th, Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Tấn L, Thạch Thanh H, Đồng Xuân T phạm tội “Đánh bạc”.

II. Về điều luật áp dụng và hình phạt.

II.1. Căn cứ khoản 1 Điều 321; khoản 1 Điều 168; điểm đ khoản 2 Điều 157, điểm d khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 50, Điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần Anh G 01 (Một) năm tù về tội “Đánh bạc”

Xử phạt bị cáo Trần Anh G 03 (Ba) năm tù về tội “Cướp tài sản”

Xử phạt bị cáo Trần Anh G 02 (Hai) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”

Xử phạt bị cáo Trần Anh G 03 (Ba) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”

Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt chung của 04 tội, buộc bị cáo Trần Anh G pH chấp hành là 09 (Chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/9/2019.

II.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T1 01 (Một) năm tù về tội “Đánh bạc”

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T1 03(Ba) năm tù về tội “Cướp tài sản”

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T1 02(Hai) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T1 03(Ba) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”

Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt chung của 04 tội, buộc bị cáo Nguyễn Xuân T1 pH chấp hành là 09 (Chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/10/2019.

II.3. Căn cứ khoản 1 Điều 168; điểm đ khoản 2 Điều 157, điểm d khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 50, Điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần Anh H2 03 (Ba) năm tù về tội “Cướp tài sản”

Xử phạt bị cáo Trần Anh H2 02(Hai) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”

Xử phạt bị cáo Trần Anh H2 03(Ba) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”

II.4. Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo Trần Anh H2 pH chấp hành là 08(Tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/9/2019.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Th S 03 (Ba) năm tù về tội “Cướp tài sản”

Xử phạt bị cáo Nguyễn Th S 02(Hai) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”

Xử phạt bị cáo Nguyễn Th S 03(Ba) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”

Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo Nguyễn Th S pH chấp hành là 08(Tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/9/2019.

II.5. Căn cứ Căn cứ khoản 1 Điều 168; điểm đ khoản 2 Điều 157, điểm d khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 50, Điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Hồ Xuân Tr 03 (Ba) năm 06(Sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”

Xử phạt bị cáo Hồ Xuân Tr 02(Hai) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”

Xử phạt bị cáo Hồ Xuân Tr 03(Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”

Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo Hồ Xuân Tr pH chấp hành là 09 (Chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/10/2019.

II.6. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, 38, 50, 65, 58 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

II.6.1. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn C 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02(Hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

II.6.2. Xử phạt bị cáo Hồ Vĩnh Th 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02(Hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

II.6.3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn Đ 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01(Một) năm 06 (Sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

II.6.4. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn L 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02(Hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

II.6.5. Xử phạt bị cáo Thạch Thanh H 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01(Một) năm 06 (Sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

II.6.7. Xử phạt bị cáo Đồng Xuân T 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01(Một) năm 06 (Sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo C cho Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phước I, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương quản lý, giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo L cho Ủy ban nhân dân phường T Định, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương quản lý, giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo H, Th, T, Đ cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước quản lý, giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự

III. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

Trả lại cho bị cáo Thạch Thanh H 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J2, màu gold, số sim 0842293997;

Trả lại cho Đồng Xuân T 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J7 PRO, màu đen, số sim 0762379379;

Trả lại cho Hoàng Văn C 10.000.000đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F3, màu đen, mặt kính trước bị nứt vỡ góc trên bên trái, số sim: 0967938778; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, màu sơn: đen, biển số 78M1-112.60.

Trả lại cho Nguyễn Tấn L: số tiền 15.000.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6S, màu bạc – trắng, mặt kính màu đen, số sim: 0979112203;

Trả lại cho Hồ Vĩnh Th 01 xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI-SATRIA, màu sơn: đen, biển số 93B1-263.50 của Hồ Vĩnh Th (dùng làm phương tiện đi đánh bạc) 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1202, màu xanh, số sim: 0969567819 của Hồ Vĩnh Th; 01 thẻ ATM ngân hàng Sacombank mang tên Hồ Vĩnh Th.

Trả lại cho Nguyễn Xuân T1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, màu gold;

Trả lại cho ông Nguyễn Hữu C 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105, màu đen, số sim: 0386748315;

Trả lại cho Nguyễn Tấn Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO 1910, màu xanh, số sim 1: 0366515001, số sim 2: 0983169421.

IV. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

V. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND tỉnh Bình Phước
- VKSND huyện Chơn Thành;
- CCTHADS huyện Chơn Thành;
- CA huyện Chơn Thành;
- UBND nơi cư trú của bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Loan

